

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN S THÀNH
PHỐ ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **02** /2023/HNGĐ - ST
Ngày: 10-01-2023
V/v “Ly hôn, nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN S, TP. ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Kim Ngọc
2. Ông Đặng Công Ba

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thái Phương Dung – Thư ký Tòa án của TAND quận S, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận S, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Vân Anh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 10 tháng 01 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận S, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 152/2022/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2022 về Ly hôn, nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 152/2022/QĐXX-ST ngày 09 tháng 12 năm 2022, quyết định hoãn phiên tòa số 132 ngày 28/12/2022 giữa:

Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị T**; sinh năm: 1985; Trú tại: Tổ 73, Phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng. Chỗ ở hiện nay: Tổ 17 khối phố X, huyện D, tỉnh Q. Có mặt

Bị đơn: Ông **Võ Văn Q**; sinh năm: 1980; Trú tại: 32 A 21, Tổ 73, Phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện đề ngày 16/9/2022, bản tự khai ngày 09/11/2022 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà kết hôn với ông Q năm 2012, hôn nhân tự nguyện và có thời gian tìm hiểu nhau và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường A, quận S, Đà Nẵng theo giấy chứng nhận số 189, quyển số 01 do UBND Phường A, quận S, TP Đà Nẵng cấp ngày 27/8/2012. Sau khi kết hôn ông bà sống hạnh phúc đến năm 2017, thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông Q không có trách nhiệm với gia đình, không có việc làm ổn định, kinh tế gia đình và chăm sóc con cái một mình bà lo toan nên cả hai thường xuyên cãi vã. Mâu thuẫn được gia đình hai bên hòa giải nhưng không có kết quả. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2017 đến nay, bà và hai con về Quảng Nam sinh sống, không ai còn quan tâm chăm sóc nhau trong cuộc sống. Nay bà T xác định không còn yêu thương ông Q nữa nên mong tòa giải quyết được ly hôn.

- **Về con chung:** bà T xác định có 02 con chung là: Võ Thanh T – sinh ngày: 08/11/2012 và Võ Ngọc Gia L – sinh ngày: 25/10/2017. Ly hôn nguyện vọng của bà T là được nuôi cả 02 con và yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng số tiền là: 3.000.000 đồng cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Tại phiên tòa hôm nay, bà T thay đổi yêu cầu về mức cấp dưỡng, bà yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

- **Về tài sản chung:** bà T xác định không có.

- **Về nợ chung:** bà T xác định không có.

Quá trình giải quyết vụ án, ông Võ Văn Q không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án, không tham gia hoà giải và cũng không tham gia phiên tòa xét xử vụ án trên.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận S phát biểu về sự tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và của các đương sự. Theo đó: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng pháp luật từ khâu thụ lý, hòa giải, thu thập chứng cứ và mở phiên tòa xét xử. Nguyên đơn chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật tố tụng. Riêng bị đơn không thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình nên phải chịu hậu quả pháp lý về việc không tuân thủ quy định của pháp luật.

Về nội dung: đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận S đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình

Về quan hệ hôn nhân: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T về việc ly hôn với ông Võ Văn Q.

Về con chung: bà T, ông Q có 02 con chung là: Võ Thanh T – sinh ngày: 08/11/2012 và Võ Ngọc Gia L – sinh ngày: 25/10/2017. Giao 02 con chung cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các con đủ 18 tuổi. ông Q cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng số tiền là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: không đề cập giải quyết. Sau này các đương sự có tranh chấp, khởi kiện tại Tòa án thì sẽ giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Tòa án nhân dân quận S đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn ông Võ Văn Q nhưng tại phiên tòa hôm nay ông Q vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ vào khoản 3 Điều 228 của BLTTDS, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn Võ Văn Q.

Về nội dung vụ án:

[2] Ông Võ Văn Q và bà Nguyễn Thị T kết hôn năm 2012, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường A, quận S, TP Đà Nẵng theo giấy chứng nhận kết hôn số 189, quyển số 01 do UBND Phường A, quận S, TP Đà Nẵng cấp ngày 27/8/2012. Đây là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[3] Quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông Q không có trách nhiệm với gia đình, không có việc làm ổn định, kinh tế

gia đình và con cái một mình bà T gánh vác do đó cả hai thường xuyên cãi vã. Mâu thuẫn được gia đình hai bên hòa giải nhưng không có kết quả. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2017 đến nay, không ai còn quan tâm chăm sóc nhau trong cuộc sống. Quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay bà T xác định không còn yêu thương ông Q nữa nên xin được ly hôn. Còn bị đơn ông Q mặc dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông vẫn cố tình vắng mặt không có lý do.

[4] Xét yêu cầu xin ly hôn của bà T thì thấy: Giữa ông Q, bà T từ khi kết hôn năm 2012 đến nay hai bên chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Khi mâu thuẫn xảy ra ông bà đều không có giải pháp gì để hàn gắn và xây dựng lại gia đình, vợ chồng đã sống ly thân nhau từ 2017 đến nay. Đối với ông Q có ý thức để mặc, không tham gia các phiên hòa giải cũng như tham gia tố tụng tại phiên tòa, điều này thể hiện ông Q vừa coi thường pháp luật, vừa thờ ơ với việc hàn gắn hạnh phúc gia đình, bản thân ông Q không còn thiện chí xây dựng hạnh phúc gia đình với bà T. Vì vậy HĐXX có đủ cơ sở nhận định mâu thuẫn vợ chồng ông Q, bà T đã trở nên trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận cho bà T được ly hôn ông Q là hoàn toàn phù hợp với điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[5] Về con chung: ông Q, bà T có 02 con chung là: Võ Thanh T – sinh ngày: 08/11/2012 và Võ Ngọc Gia L – sinh ngày: 25/10/2017. Ly hôn nguyện vọng của bà T là được nuôi 02 con đến khi các con đủ 18 tuổi.

Xét yêu cầu của bà T về việc trực tiếp nuôi con chung thì thấy: Việc giao con cho ai trông nom, nuôi dưỡng đều phải dựa vào quyền lợi mọi mặt của con, đảm bảo được sự phát triển của con cả về thể chất lẫn tinh thần, từ khi mâu thuẫn vợ chồng xảy ra, bà T là người trực tiếp nuôi 02 con nên việc giao con cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với tình hình thực tế, ổn định cuộc sống của các con, phù hợp với nguyện vọng của con cũng như quy định tại các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[6] Đối với việc cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên tòa hôm nay bà T thay đổi yêu cầu về việc cấp dưỡng, yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng số tiền là: 2.000.000 đồng (tương đương mỗi con 1.000.000 đồng) cho đến khi con đủ 18 tuổi. Xét yêu cầu cấp dưỡng trên đảm bảo quyền lợi cho các con và phù hợp quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: bà T xác định không có. Ông Võ Văn Q không có ý kiến trong hồ sơ nên HĐXX không đề cập giải quyết. Sau này các đương sự có tranh chấp, khởi kiện tại Tòa án thì sẽ giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

[7] Đối với ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát nhân dân quận S, thành phố Đà Nẵng thấy phù hợp với quy định của pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[8] Về án phí: Án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 đồng bà T phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;
Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

* Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc xin ly hôn của bà Nguyễn Thị T đối với ông Võ Văn Q.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị T được ly hôn với ông Võ Văn Q (*Do chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị T đối với ông Võ Văn Q nên giấy chứng nhận kết hôn số 189, quyển số 01 do UBND Phường A, quận S, TP Đà Nẵng cấp ngày 27/8/2012 không còn giá trị pháp lý*)

2. Về con chung: Giao 02 con chung là: Võ Thanh T – sinh ngày: 08/11/2012 và Võ Ngọc Gia L – sinh ngày: 25/10/2017 cho bà Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các con đủ 18 tuổi. ông Q cấp dưỡng nuôi 02 con mỗi tháng 2.000.000 đồng (tương đương 1.000.000 đồng/ 1 con) vào ngày 10 hàng tháng bắt đầu từ tháng 02/2023 cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

Cả hai bên đương sự đều được thực hiện các quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi cần thiết vì lợi ích con chung các bên đương sự có quyền xin thay đổi người nuôi con hoặc yêu cầu mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thanh toán xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về tài sản chung, nợ chung: không đề cập giải quyết.

4. Về án phí: Án phí HNGĐ sơ thẩm: 300.000 đồng bà Nguyễn Thị T phải chịu được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp theo biên lai thu số 0006454 ngày 12 tháng 10 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận S, TP. Đà Nẵng.

Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết tại nơi thường trú.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại các điều 6,7 và điều 9 Luật thi hành

án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi Hành án dân sự.

Nơi nhận :

- VKSND quận S;
- Chi cục THADS quận S;
- UBND Phường A, quận S;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hạnh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận :

- VKSND quận S;
- Chi cục THADS quận S;
- UBND Phường A, quận S;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hạnh

